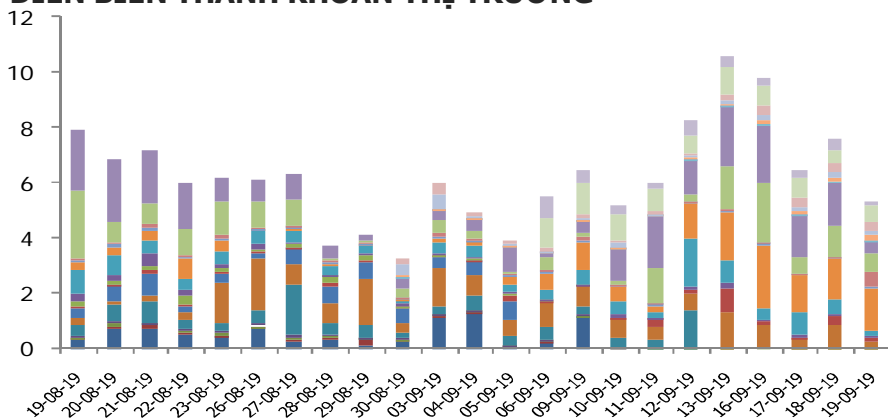


# COVERED WARRANTS – CHỨNG QUYỀN FPT VÀ MWG TRỞ LẠI ĐƯỜNG ĐUA

## THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CW

Số lượng mã CW	16
Số lượng mã cổ phiếu cơ sở	9
Phân bù rủi ro bình quân	18,03
Tỷ lệ đòn bẩy bình quân	6,09x
Ngày giao dịch cuối cùng trung bình	27-11-2019

## DIỄN BIẾN THANH KHOẢN THỊ TRƯỜNG



## 5 MÃ CW CÓ TỔNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT

Mã CW	Điểm chất lượng					Tổng điểm
	Q(E)	Q(S)	Q(T)	Q(I)	Q(P)	
CFPT1903	4	4	4	4	4	4,8
CMWG1903	4	4	4	4	4	4,6
CFPT1904	4	4	4	4	4	4,6
CMWG1902	4	4	4	4	4	4,2
CMWG1904	4	4	4	4	4	3,8

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

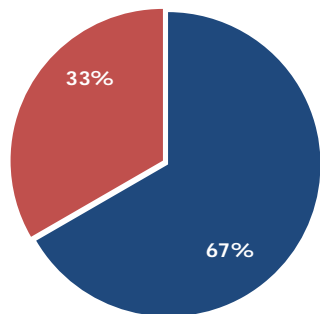
- Thị trường chứng quyền diễn biến trái chiều trong phiên giao dịch ngày thứ 5 mặc dù đã có nhiều cổ phiếu cơ sở phục hồi mạnh như: FPT, MWG, MBB, VRE. Điểm đáng chú ý trong phiên hôm nay là sự trở lại của các CW dựa theo cổ phiếu FPT và MWG, tất cả các chứng quyền của 2 mã này đều tăng điểm và đó cũng chính là số lượng tăng của toàn thị trường.
- Dừng lúc đóng cửa, đã có hơn 1,54 triệu chứng quyền được chuyển nhượng thành công với giá trị giao dịch đạt khoảng 5,37 tỷ đồng. So với phiên hôm qua, khối lượng CW giảm 15,7% và giá trị giao dịch giảm 29,6%. Thanh khoản thị trường thấp hơn so với bình quân 5 phiên trước đó 22,8% về khối lượng và 37,3% về giá trị. Độ rộng thị trường rất kém, chỉ có 6 mã tăng trong khi có tới 10 mã giảm giá. Thanh khoản thị trường ở nhóm các mã CW có thời gian đáo hạn còn lại dưới 40 ngày chỉ chiếm 8% toàn thị trường. Trong khi đó, nhóm CW trung hạn (từ 70 -110 ngày) giảm về mức 38% từ 42% ở phiên hôm qua và 54% còn lại thuộc về nhóm có thời gian đáo hạn từ 40 đến 70 ngày.
- Với 5 phiên liên tiếp, tỷ lệ các mã tăng dưới 50% và 2 phiên vừa qua tỷ lệ này chỉ còn 37,5% thì chuỗi lãi T3 cũng bị đứt mạch 6 phiên dương liên tiếp và chuyển sang âm trong phiên hôm nay. Cũng trong 2 phiên vừa qua, khối lượng tập trung ở các mã tăng chỉ chiếm bình quân 33,5% toàn thị trường và 61% ở các mã giảm.
- Tóm lại, thị trường đang trong giai đoạn phân hóa tuy vậy sự trở lại của các mã CW mang tính dẫn dắt dựa theo cổ phiếu FPT và MWG là tín hiệu tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế đối với các mã CW dựa theo 2 cổ phiếu này, bên cạnh đó có thể theo dõi thêm mã CW dựa theo cổ phiếu MBB.

<b>KHUYẾN NGHỊ - NĂM GIỮ</b>	<b>CFPT1904</b>
<b>Cổ phiếu cơ sở</b>	<b>FPT</b>
<b>Giá thực hiện</b>	52000 đồng (ITM 10,03%)
<b>Tỷ lệ thực hiện</b>	3:1
<b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>	15-11-2019
<b>Số ngày còn lại</b>	61 ngày

**CHỈ SỐ KỸ THUẬT - CFPT1904**

Tiêu chí	Điểm chất lượng
<b>Đòn bẩy hiệu quả</b>	4,72 lần
<b>Độ nhạy</b>	1,65
<b>Hao mòn thời gian</b>	-0,01%
<b>Độ biến động nội hàm</b>	59,43%
<b>Phần bù rủi ro</b>	5,02%
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	Tốt ★★★★★
<b>Phù hợp</b>	
<b>Nhà đầu tư ngắn hạn (≤5 ngày)</b>	🟢
<b>Nhà đầu tư trung dài hạn (&gt;5 ngày)</b>	🟢

**CẤU THÀNH GIÁ TRỊ**



■ Giá trị nội tại (VND)  
■ Giá trị thời gian (VND)

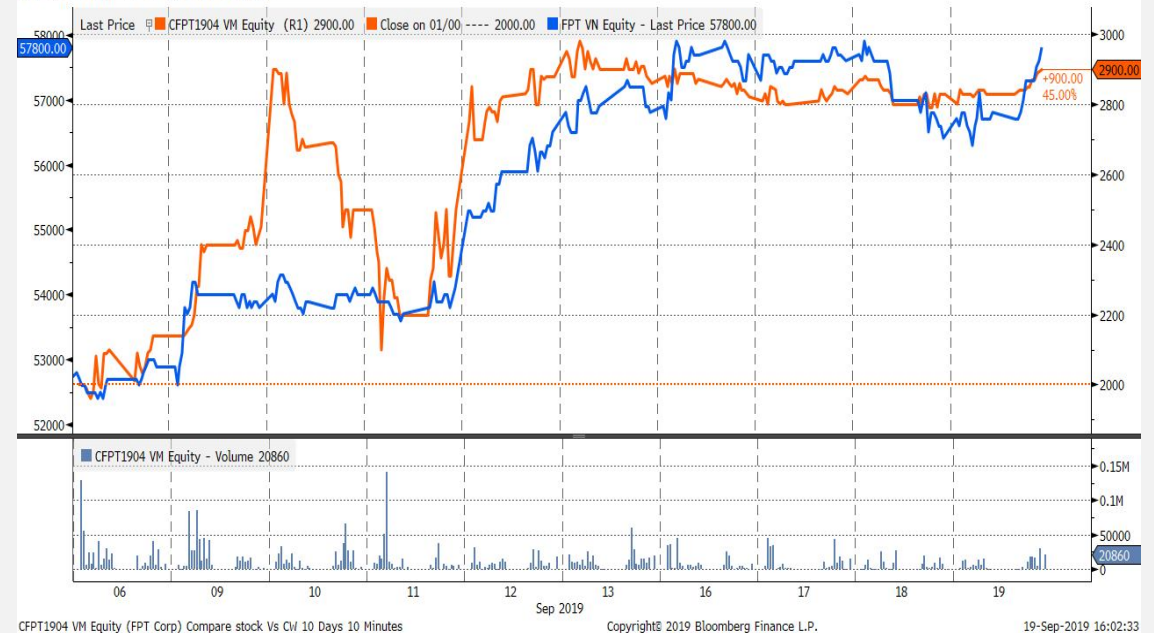
**KHUYẾN NGHỊ CHỨNG QUYỀN**

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với CW CFPT1904 dựa trên các luận điểm sau:

- Trạng thái lãi của chứng quyền CFPT1904 tiếp tục được cải thiện lên 10,03%. Đòn bẩy hiệu quả duy trì ở mức rất hấp dẫn, 4,72 lần. Chứng quyền CFPT1904 còn thời gian đáo hạn tương đối dài (61 ngày) với độ biến động nội hàm ở mức 59,43% và phần bù rủi ro 5,02%, thuộc nhóm những CW có độ biến động nội hàm và phần bù rủi ro nhỏ nhất thị trường.
- Về kỹ thuật, cổ phiếu FPT vẫn duy trì xu hướng tăng giá trong trung hạn và hiện đang có cơ hội break đỉnh ngắn hạn, các chỉ báo kỹ thuật cho tín hiệu mua củng cố đà tăng giá của cổ phiếu.
- Về cơ bản, bằng phương pháp định giá so sánh P/E và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu FPT với giá mục tiêu 1 năm là 61.700 đồng (tăng 6,74% so với giá ngày 19/09).

**ĐỒ THỊ CHỨNG QUYỀN**

**Diễn biến giá CPCS và Chứng quyền**  
So sánh giá FPT và CFPT1904



CFPT1904 VM Equity (FPT Corp) Compare stock Vs CW 10 Days 10 Minutes Copyright© 2019 Bloomberg Finance L.P. 19-Sep-2019 16:02:33

## CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

FPT	2016	2017	2018	6T2019
Doanh thu (tỷ vnd)	39.531	42.659	23.214	12.492
Lãi ròng (tỷ vnd)	1.991	2.932	2.620	1.780
EPS (vnd)	4.333	5.521	4.270	2.097
ROA( )	7,1%	10,7%	9,6%	
ROE( )	18,4%	23,8%	18,7%	
P/E (lần) (TTM EPS)	10,69	8,39	10,84	13,01
P/B (lần) (TTM BVPS)	2,23	2,15	2,28	2,87

## CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Các đường trung bình động			Chỉ báo kỹ thuật	Hành động
<b>Kỳ</b>	<b>SMA</b>	<b>EMA</b>	<b>RSI(14)</b>	<b>Overbought</b>
MA5	57,260	56,904	STOCH(9,6)	Buy
	Buy	Buy	Fear Greed	Buy
MA10	55,760	56,103	MACD(12,26)	Buy
	Buy	Buy	ADX(14)	Buy
MA20	54,445	54,652	Williams %R	Oversold
	Buy	Buy	CCI(14)	Buy
MA50	51,383	51,975	MAOs	Buy
	Buy	Buy	Momentum	Buy
MA100	48,219	48,925	Bollinger band	Buy
	Buy	Buy	ROC	Buy
MA200	43,960	45,993	PSAR	Buy
	Buy	Buy		

Buy: 12; Sell: 00;

Buy: 10; Sell: 00;

Summary: **BUY**

Summary: **BUY**

## NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU CƠ SỞ - FPT

- FPT là doanh nghiệp đi đầu trong cách mạng 4.0: (i) tiến hành vận hành xe tự lái tại Ecopark hợp tác với yamaha; (ii) Bổ sung 3 chuyên ngành mới như IoT; trí tuệ nhân tạo và Digital Marketing tại đại học FPT liên kết với đại học công nghệ Swinburne là trường top 10 về công nghệ tại Úc.
- Xuất khẩu phần mềm tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của FPT với tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm. Các hoạt động M&A đảm bảo FPT cung cấp các giải pháp công nghệ tổng thể với giá trị cao hơn và toàn diện hơn.
- 7T2019 doanh thu FPT đạt 14.742 tỷ đồng tăng trưởng 21,8% và LNTT đạt 2.114 tỷ đồng tăng trưởng 26,8% so với cùng kỳ năm trước. EPS 7 tháng đạt 2.495 đồng tăng 28,6%. Khối Công nghệ ghi nhận DT và LNTT đạt lần lượt 8.218 tỷ đồng và 1.036 tỷ đồng, tăng tương ứng 26,7% và 43,4% so với cùng kỳ. Thị trường nước ngoài mang về cho FPT 6.169 tỷ đồng DT, tăng 32,7% và 966 tỷ đồng LNTT tăng 34,5%
- Bảng phương pháp định giá so sánh P/E và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu FPT với giá mục tiêu 1 năm là 61.700 đồng (tăng 6,74% so với giá ngày 19/09).

## ĐỒ THỊ CỔ PHIẾU CƠ SỞ - FPT

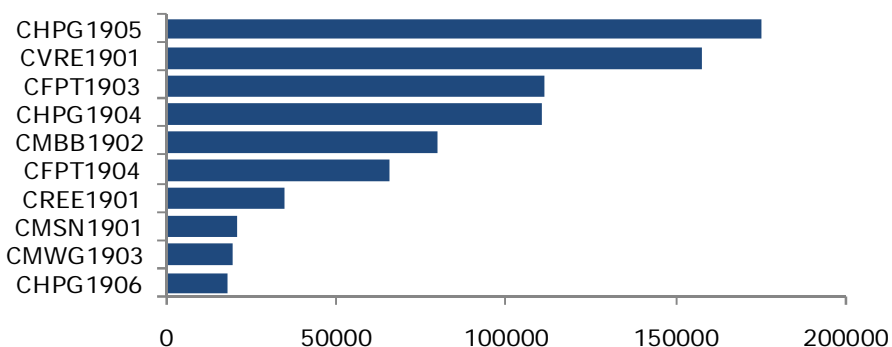
Đồ thị kỹ thuật cổ phiếu FPT  
Cơ hội break đỉnh ngắn hạn



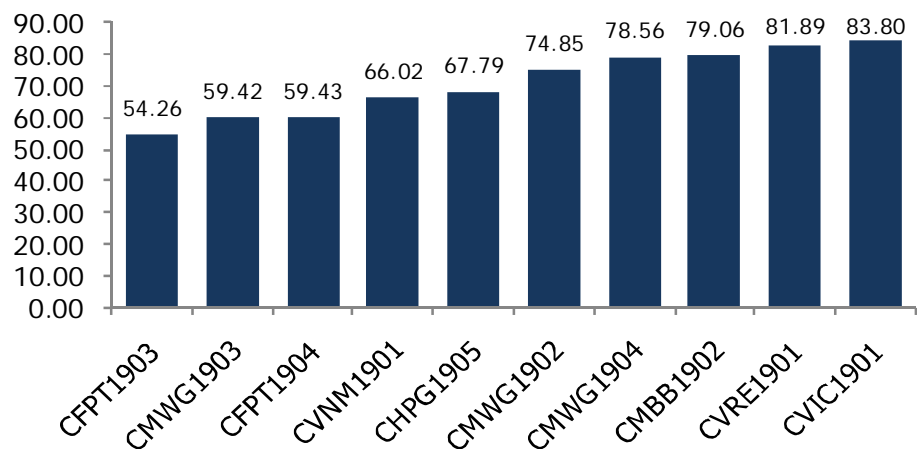
### 5 MÃ CW CÓ MỨC SINH LỜI T+3 CAO NHẤT

Mã CW	1 ngày (%)	3 ngày (%)	5 ngày (%)	YTD (%)
CFPT1902	4,17	7,20	8,70	150,00
CMSN1901	-3,98	6,29	8,33	-2,31
CMWG1904	7,95	3,79	17,67	108,66
CVNM1901	-1,64	3,45	5,26	-50,82
CMBB1902	-0,29	2,95	6,40	26,45

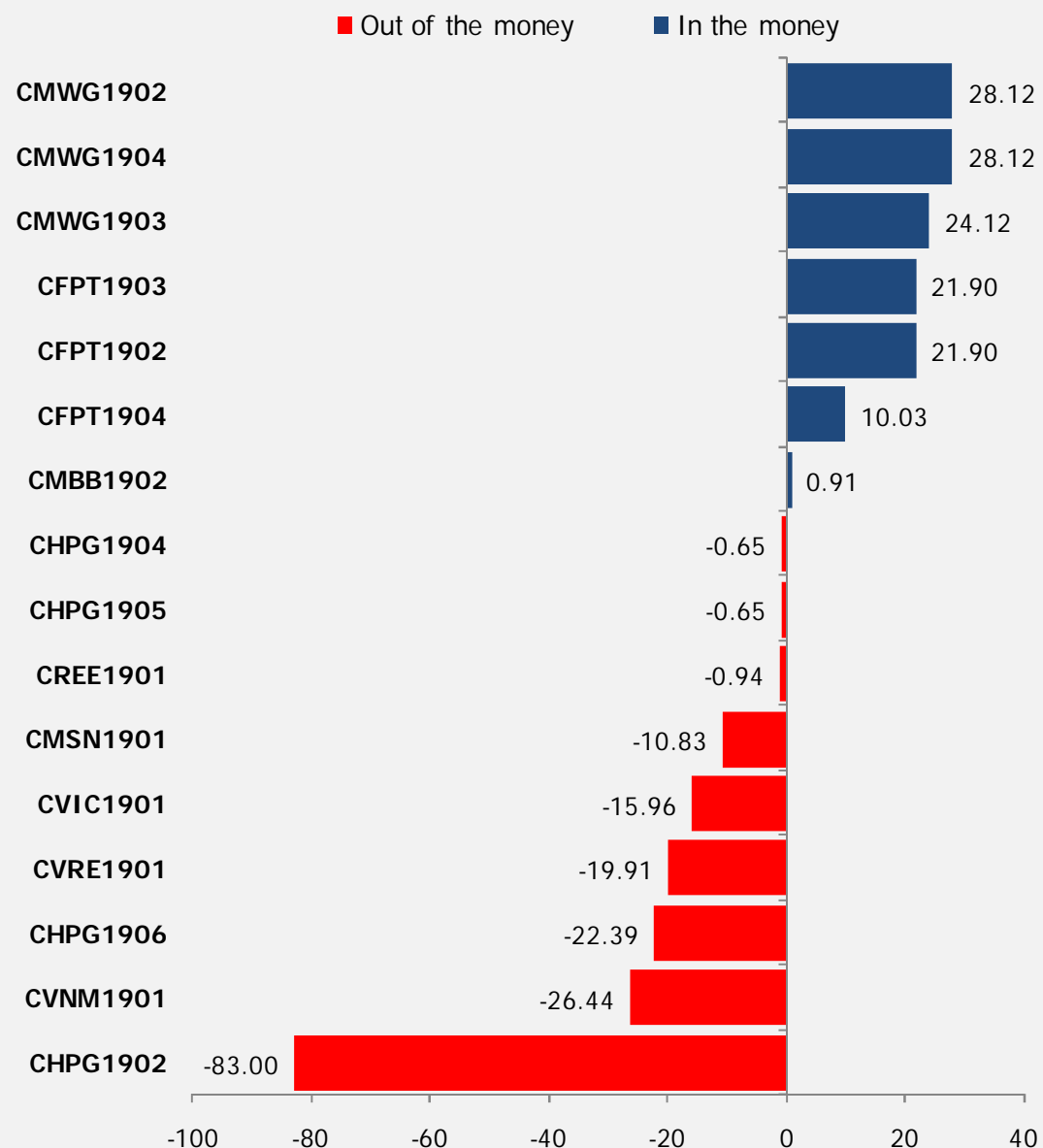
### 10 MÃ CW CÓ KLGD QUY ĐỔI CPCS CAO NHẤT



### 10 MÃ CW CÓ ĐỘ BIẾN ĐỘNG NỘI HÀM THẤP NHẤT



### TRẠNG THÁI LÃI/LỖ CỦA CW LƯU HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG



## CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phân bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
1	CFPT1902	SSI	FPT	0,98	45.140	26-9-19	57.800	2,48	12.500	4,17	12.903	21,90	#N/A N/A	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	#N/A N/A	-0,68	14.470	0,18
2	CFPT1903	SSI	FPT	0,98	45.140	26-12-19	57.800	2,48	14.500	4,32	12.928	21,90	3,42	7,66	84,26	0,00	54,26	2,71	109.220	1,53
3	CFPT1904	MBS	FPT	3,00	52.000	15-11-19	57.800	2,48	2.900	2,47	2.015	10,03	4,72	1,65	71,11	-0,01	59,43	5,02	196.810	0,56
4	CHPG1902	KIS	HPG	5,00	41.999	9-12-19	22.950	-0,22	430	-2,27	0	-83,00	3,16	0,00	29,63	-5279	144,20	92,37	22.100	0,01
5	CHPG1904	SSI	HPG	1,00	23.100	26-9-19	22.950	-0,22	680	-8,1	-	-0,65	33,75	#DIV/0!	100,00	#VALUE!	0,00	3,62	110.520	0,08
6	CHPG1905	SSI	HPG	1,00	23.100	26-12-19	22.950	-0,22	3.200	-11,11	1.340	-0,65	4,04	1,18	56,40	0	67,79	14,60	174.850	0,55
7	CHPG1906	KIS	HPG	2,00	28.088	12-11-19	22.950	-0,22	830	-5,68	22	-22,39	4,90	0,02	35,44	-0,62	92,89	29,62	35.930	0,03
8	CMBB1902	HSC	MBB	0,93	20.185	13-12-19	22.000	0,69	3.490	-0,29	850	0,91	3,70	0,71	58,65	-0,02	79,06	14,95	73.710	0,25
9	CMSN1901	KIS	MSN	5,00	88.888	12-11-19	80.200	-0,87	1.690	-3,98	115	-10,83	4,38	0,06	46,16	-0,18	93,78	21,37	106.050	0,20
10	CMWG1902	VND	MWG	4,00	90.000	9-12-19	125.200	2,62	9.700	7,42	8.801	28,12	2,79	1,96	86,50	0,00	74,85	2,88	18.500	0,17

## CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phần bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
11	CMWG1903	HSC	MWG	5,00	95.000	24-12-19	125.200	2,62	6.750	6,80	6.049	24,12	3,15	1,52	84,99	0,00	59,42	2,84	97.290	0,64
12	CMWG1904	SSI	MWG	1,00	90.000	26-12-19	125.200	2,62	40.480	7,95	35.210	28,12	2,60	7,32	84,20	0,00	78,56	4,22	12.120	0,47
13	CREE1901	MBS	REE	3,00	37.550	15-11-19	37.200	0,00	1.650	-6,78	407	-0,94	4,19	0,23	55,79	-0,03	84,47	14,25	104.220	0,18
14	CVIC1901	KIS	VIC	5,00	140.888	12-11-19	121.500	-0,57	1.820	-6,19	15	-15,96	5,17	0,01	38,71	-1,79	83,80	23,45	74.240	0,14
15	CVNM1901	KIS	VNM	9,84	156.285	11-12-19	123.600	-0,08	600	-1,64	1	-26,44	5,90	0,00	28,19	-8,10	66,02	31,22	77.330	0,05
16	CVRE1901	KIS	VRE	2,00	40.888	12-11-19	34.100	0,44	1.060	-2,75	7	-19,91	5,51	0,01	34,25	-2,71	81,89	26,12	315.330	0,33

Nguồn: Bloomberg

## BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ COVERED WARRANT

Thuật ngữ	Chú giải
<b>Đòn bẩy hiệu quả</b> (Effective Gearing)	Đòn bẩy hiệu quả cho biết thay đổi giá của CW nếu giá tài sản cơ sở thay đổi 1%. Ví dụ một CW có đòn bẩy hiệu quả là 10 lần, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1%, giá CW sẽ thay đổi xấp xỉ khoảng 10%. Đòn bẩy hiệu quả càng cao, tỷ lệ lãi/lỗ của nhà đầu tư vào CW đó càng lớn.
<b>Độ nhạy</b> (Sensitivity)	Độ nhạy đo lường mức độ dao động giá. Ví dụ một CW có độ nhạy là 2, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1 bước giá, giá CW sẽ thay đổi khoảng 2 bước giá. CW có độ nhạy càng cao sẽ có mức độ dao động giá càng rộng.
<b>Hao mòn thời gian</b> (Time decay per day)	Giá trị hao mòn thời gian là tỷ lệ mất giá của DW sau một ngày (nếu giả định các yếu tố khác không đổi). Nhà đầu tư nên tránh nắm giữ các DW có tỷ lệ hao mòn thời gian cao trong một thời gian dài.
<b>Độ biến động nội hàm</b> (Implied Volatility)	Độ biến động nội hàm là độ biến động hàm ý bởi mức giá thị trường của một CW. Chỉ số này dùng để so sánh hai CW có cùng cổ phiếu cơ sở. CW có độ biến động nội hàm càng cao thì CW đó càng đắt (nếu giả định các yếu tố khác không đổi).
<b>Phần bù rủi ro</b> (Warrant Premium)	Phần bù rủi ro cho biết mức độ đắt/rẻ nếu mua một CW và chuyển đổi sang cổ phiếu cơ sở so với việc mua một cổ phiếu cơ sở ngay tại thời điểm đó. Phần bù rủi ro của những CW kỳ hạn dài thường cao hơn so với CW kỳ hạn ngắn. Do đó, nhà đầu tư nên dùng phần bù rủi ro để so sánh những CW có kỳ hạn tương đương nhau.
<b>Giá trị nội tại</b> (Intrinsic Value)	Giá trị nội tại là khoản tiền mặt nhà đầu tư sẽ nhận được nếu thực hiện quyền ngay tại thời điểm hiện tại. Giá trị nội tại của CW luôn lớn hơn hoặc bằng 0. <b>Giá trị nội tại chứng quyền Mua</b> = $\text{Max} ((\text{Giá hiện tại CPCS} - \text{Giá thực hiện}) * \text{Tỷ lệ thực hiện}, 0)$ ; <b>Giá trị nội tại chứng quyền Bán</b> = $\text{Max} ((\text{Giá thực hiện} - \text{Giá hiện tại CPCS}) * \text{Tỷ lệ thực hiện}, 0)$ .
<b>Giá trị thời gian</b> (Time Value)	Giá trị thời gian là mức chênh lệch giữa giá CW trên thị trường và giá trị nội tại. <b>Giá CW = Giá trị nội tại + Giá trị thời gian</b>
<b>Giá lý thuyết theo BS</b>	Mức giá lý thuyết của CW tính theo mô hình Black Scholes continuous của Bloomberg.

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ COVERED WARRANT

### 1. Xác định điểm chất lượng (Q-score) cho từng chỉ số của mỗi CW

Tiêu chí / Q-score	Không hấp dẫn Q (x) = 0	Ít hấp dẫn Q (x) = 1	Trung lập Q (x) = 2	Tương đối hấp dẫn Q (x) = 3	Hấp dẫn Q (x) = 4	Rất hấp dẫn Q (x) = 5
<b>Đòn bẩy hiệu quả (E)</b>	< 1	1,0 – 2,0	2,0 – 2,5	2,5 – 3,0	3,0 – 4,0	≥ 4
<b>Độ nhạy (S)</b>	< 0,2	0,2 – 0,4	0,4 – 0,7	0,7 – 1,0	1,0 – 1,5	≥ 1,5
<b>Hao mòn thời gian (T)</b>	> 3%	1,5 – 3%	0,75 – 1,5%	0,4 – 0,75%	0,2 – 0,4%	≤ 0,2%
<b>Độ biến động nội hàm (I)</b>	> 100%	85 – 100%	75 – 85%	65 – 75%	55 – 65%	≤ 55%
<b>Phần bù rủi ro (P)</b>	> 20%	16 – 20%	12 – 16%	8 – 12%	4 – 8%	≤ 4%

### 2. Tổng điểm chất lượng của CW là giá trị trung bình có trọng số của các chỉ số phụ được tính trong bước 1.

	Q (E)	Q (S)	Q (T)	Q (I)	Q (P)
<b>Tổng điểm ngắn hạn</b>	40%	40%	20%	0%	0%
<b>Tổng điểm trung – dài hạn</b>	10%	10%	35%	10%	35%
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	20%	20%	20%	20%	20%

### 3. Đánh giá tổng điểm chất lượng của CW

Diễn giải	
<b>Tổng điểm ngắn hạn</b>	Nếu tổng điểm ngắn hạn >3 , CW phù hợp cho việc nắm giữ trong ngắn hạn (≤ 5 phiên giao dịch)
<b>Tổng điểm trung – dài hạn</b>	Nếu tổng điểm trung – dài hạn >3, CW phù hợp cho việc nắm giữ trong trung và dài hạn (> 5 phiên giao dịch)
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	Tổng điểm chất lượng cho biết chất lượng tổng thể của CW



## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2019 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	<a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a>
Ngô Quốc Hưng	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	<a href="mailto:hung.ngoquoc@mbs.com.vn">hung.ngoquoc@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Quỳnh Hoa	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	<a href="mailto:hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn">hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn</a>
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:ha.nguyenthihai@mbs.com.vn">ha.nguyenthihai@mbs.com.vn</a>